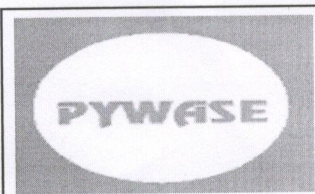
	KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM	
--	----------------------------	---

Số: 19/KQ

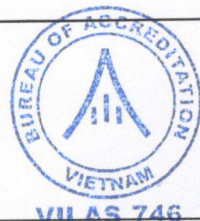
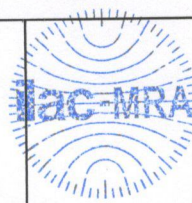
I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	85M ₁ 01/19	Công ty Bia Masan Brewery	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	03/06/2019 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
2	86B08/19	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	03/06/2019 9g30-9g45	
3	86M ₁ 08/19	Hộ dân huyện Phú Hòa			03/06/2019 9g45-10g15	
4	87M ₁ 01/19	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	03/06/2019 8g30-8g45	Diệp Thị Ngọc Loan
5	87M ₂ 01/19	8/19 Nguyễn Huệ			03/06/2019 9g00-9g15	
6	87M ₃ 01/19	Khu tái định cư Núi Nhạn		Nguyễn Thị Kim Trang	03/06/2019 9g30-9g45	Nguyễn Thị Kim Trang
7	88B01/19	Bể chứa NMN Tuy Hòa			03/06/2019 8g00-8g15	

BM.KT.02.02	Ban hành lần 02	Ngày ban hành :19 /03/2018
-------------	-----------------	----------------------------



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



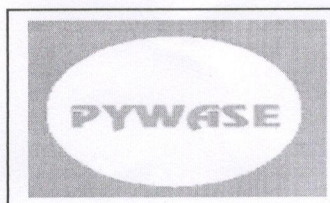
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				85M ₁ 01/19	86B08/19	86M ₁ 08/19	87M ₁ 01/19
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.90	7.43	7.49	7.02
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.83	0.12	0.10	1.70
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.08	0.10	0.08	0.06
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13.47	14.82	13.47	14.15
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	40.96	40.44	40.44	45.05
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.006	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0.004
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.3	KPH (LOD=1.44)	KPH (LOD=1.44)	14.3
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	100	114	111	90
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0.75	0.25	0.25	0.85
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	10.60	9.80	9.80	12.00
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.06	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0.06
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	1.04	0.39	0.39	1.04
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	0.008
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	0.53	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

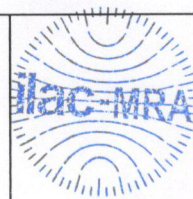
BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19/03/2018



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



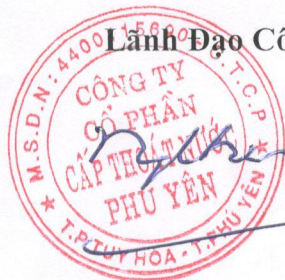
VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				87M ₂ 01/19	87M ₃ 01/19	88B01/19	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.94	6.96	7.03	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.69	1.81	1.87	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.06	0.08	0.04	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13.81	13.81	13.14	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.05	45.05	45.05	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.004	0.004	0.004	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4.3	10.9	9.4	
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	92	91	95	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	1.00	0.90	0.95	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	11.80	12.00	11.60	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.08	0.06	0.08	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	1.04	1.04	1.1	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	0.008	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	0.44	

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 10 tháng 06 năm 2019
Bộ Phận Kiểm nghiệm



Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ thuật - Chất lượng

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19/03/2018